

Số: 2076/QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày 08 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp
Minh Lăng phần mở rộng tại xã Thư Trì, tỉnh Hưng Yên**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng VinaSpace tại Văn bản số 05/TT-VINASPACE ngày 24 tháng 10 năm 2025 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 457/TTr-SNNMT ngày 10 tháng 11 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp Minh Lăng phần mở rộng (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Vinaspace (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Thư Trì, tỉnh Hưng Yên với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Vinaspace có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Thư Trì; Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Vinaspace; Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *p*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Trung tâm PVHCC (cơ sở 1) *(để trả kết quả)*;
- UBND xã Thư Trì;
- Công ty CPĐT XD Vinaspace;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh *(để đăng tải công khai)*;
- Lưu: VT, KT2^{Thin}. *21*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hùng Nam

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

**của Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp
Minh Lãng phần mở rộng tại xã Thụ Trì, tỉnh Hưng Yên**

*(Kèm theo Quyết định số 2076/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)*

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp Minh Lãng phần mở rộng.

- Địa điểm thực hiện dự án: Xã Thụ Trì, tỉnh Hưng Yên.

- Chủ dự án: Công ty Cổ phần đầu tư Xây dựng Vinaspace.

- Địa chỉ: Số 02, Ngõ Quang Bích, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên.

- Cụm công nghiệp Minh Lãng được Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình (cũ) thành lập tại Quyết định số 2383/QĐ-UBND ngày 09/10/2015, mở rộng tại các Quyết định: số 1227/QĐ-UBND ngày 23/5/2018, số 1084/QĐ-UBND ngày 25/4/2019.

- Tính chất cụm công nghiệp gồm các ngành: Dệt, may; da giày; chế biến lương thực, thực phẩm; sản xuất cơ khí, thiết bị điện, điện tử; sản xuất công nghiệp hỗ trợ (theo Quyết định số 2383/QĐ-UBND ngày 09/10/2015); tính chất cụm công nghiệp, phần mở rộng, gồm các ngành: Chế biến lương thực, thực phẩm, đồ uống; dệt, may; sản xuất bao bì, nhãn mác; sản xuất các sản phẩm dược, mỹ phẩm, thiết bị y tế; cơ khí, thiết bị điện, điện tử; chế biến lâm sản, đồ gỗ; công nghiệp hỗ trợ; dịch vụ cho sản xuất công nghiệp (theo Quyết định số 1084/QĐ-UBND ngày 25/4/2019).

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Minh Lãng có tổng diện tích là 616.003,16 m² bao gồm: Diện tích phần hiện có diện tích là 124.226 m²; diện tích phần mở rộng là 491.777,16 m² (gồm: Đất công nghiệp 377.455,19 m², đất giao thông 52.629,18 m², đất hạ tầng kỹ thuật 7.505,33 m²; đất cây xanh cách ly, mặt nước 54.187,46 m²). Trong đó:

+ Diện tích phần hiện trạng đã đầu tư hạ tầng kỹ thuật, thuộc phần diện tích đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình (cũ) phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 2933/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 và cấp Giấy phép môi trường số 29/GPMT-UBND ngày 21/5/2025 là 147.136,63 m² gồm: Phần hiện có diện tích 124.226 m², phần mở rộng giai đoạn I diện tích là 2.378,02 m², giai đoạn II diện tích là 20.532,61 m²). 

+ Diện tích phần mở rộng chưa hoàn thiện đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật là 468.866,53 m².

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư:

- Đã đầu tư hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật phần Cụm công nghiệp hiện có diện tích 124.226 m². Bao gồm: Diện tích đất công nghiệp CNHC-1 33.042,48 m², CNHC-2 73.123.62 m²; xây dựng cầu bắc qua kênh 223 Bắc nối liền đường ĐT.454 vào Cụm công nghiệp với kích thước dài 16m, rộng 8m; đường Quy hoạch số 1 dài 416,1m (bề rộng 13,5m, lòng đường 7,5m, vỉa hè phía kênh 223 Bắc rộng 2m, vỉa hè tiếp giáp với đất công nghiệp rộng 4m); đường quy hoạch số 2 dài 273,96 m (bề rộng 15,5m, lòng đường rộng 7,5m, vỉa hè mỗi bên 4m), hệ thống cấp điện, cấp nước, thoát nước đầu tư đồng bộ dọc theo các đường giao thông theo quy hoạch đã được phê duyệt.

- Đối với phần Cụm công nghiệp mở rộng, chia thành 3 giai đoạn, trong đó:

+ Giai đoạn 1: Đầu tư hoàn thiện hạ tầng khu quy hoạch có diện tích 108.096,94 m² (bao gồm một phần đất công nghiệp hiện có CNQH3,4,5; một phần đất hạ tầng kỹ thuật; một phần đường QH số 2, đường QH số 7 và đường QH số 4). Trong đó:

- Đã hoàn thiện các hạng mục: San lấp mặt bằng 108.096,94 m² (bao gồm một phần đất công nghiệp CNQH3,4,5; một phần đất hạ tầng kỹ thuật; một phần đường QH số 2, đường QH số 7 và đường QH số 4); xây dựng khu hạ tầng kỹ thuật 1 và một phần khu hạ tầng kỹ thuật 2 diện tích 2.083,94 m² (xây dựng modul xử lý nước thải công suất 300 m³/ngày đêm ở khu hạ tầng kỹ thuật 1), hồ sự cố nước thải thể tích 1.000 m³/ngày đêm.

- Các hạng mục dự kiến triển khai: Đường quy hoạch số 2 kéo dài 130,6m (bề rộng 15,5m, lòng đường 7,5m, vỉa hè mỗi bên rộng 4m); đường quy hoạch số 4 kéo dài 327,3m (bề rộng 18,5m, lòng đường 10,5m, vỉa hè mỗi bên rộng 4m); đường quy hoạch số 7 kéo dài 161,3m (bề rộng 18,5m, lòng đường 10,5m, vỉa hè mỗi bên rộng 4m); xây dựng khu hạ tầng kỹ thuật 1; xây dựng mới 01 trạm biến áp, xây dựng mạng lưới điện, mạng điện chiếu sáng, đèn cao áp, cột điện ly tâm, hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước được thi công đồng bộ tương ứng với các tuyến đường theo đúng quy hoạch chi tiết được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Giai đoạn 2: Đầu tư hoàn thiện hạ tầng khu quy hoạch có diện tích 95.784,63m² (bao gồm một phần đất công nghiệp CNQH3,4,5 còn lại; một phần đường QH số 4 còn lại, một phần đường QH số 7). Trong đó:

- Các hạng mục đã hoàn thành: San lấp mặt bằng 34.378,6 m² (bao gồm một phần đất công nghiệp CNQH3,4)

- Các hạng mục dự kiến triển khai: San lấp mặt bằng 61.406,03 m² (bao gồm một phần đất công nghiệp CNQH3,4,5 còn lại, một phần đường QH số 4 còn lại, một phần đường QH số 7); đường quy hoạch số 2 kéo dài 53,8m (bề rộng 15,5m, lòng đường 7,5m, vỉa hè mỗi bên rộng 4m); đường quy hoạch số 4 kéo dài 59,3m (bề rộng 18,5m, lòng đường 10,5m, vỉa hè mỗi bên rộng 4m); đường quy hoạch số 7 kéo dài 136,5m (bề rộng 18,5m, lòng đường 10,5m, vỉa hè mỗi bên rộng 4m); xây dựng khu hạ tầng kỹ thuật 2 diện tích 5.421,39 m², trồng cây xanh trong khu CX-5 diện tích 5.941,21 m², xây dựng mạng lưới điện, mạng điện chiếu sáng, đèn cao áp, cột điện ly tâm, hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước được thi công đồng bộ tương ứng với các tuyến đường theo đúng quy hoạch chi tiết.

+ Giai đoạn 3: Đầu tư hoàn thiện hạ tầng khu quy hoạch có diện tích 287.895,59 m² (bao gồm đất công nghiệp CNQH3A,7,8, một phần đường QH số 1, đường quy hoạch số 5, 6, 8 và đường vào các khu mộ đóng cửa; đất cây xanh mặt nước CXMN-1, đất cây xanh CX-4, CX-6). Trong đó: San lấp mặt bằng 287.895,59m² (bao gồm đất công nghiệp CNQH3A,7,8, một phần đường QH số 1, đường quy hoạch số 5, 6, 8 và đường vào các khu mộ đóng cửa; đất cây xanh mặt nước CXMN-1, đất cây xanh CX-4, CX-6); đường quy hoạch số 1 kéo dài 359,6m (bề rộng 9,5m, lòng đường 7,5m, vỉa hè phía sông Sọng rộng 2m), đường quy hoạch số 5 chiều dài 835,6m (bề rộng 18,5m, lòng đường 7,5m, vỉa hè mỗi bên rộng 4m), đường quy hoạch số 6 chiều dài 862,94m (bề rộng 12m, lòng đường 7,5m, vỉa hè phía đất công nghiệp rộng 4m, vỉa hè phía cây xanh rộng 0,5m, đường quy hoạch số 8 chiều dài 530,18m (bề rộng 12m, lòng đường 7,5m, vỉa hè phía đất công nghiệp rộng 4m, vỉa hè phía cây xanh rộng 0,5m, đường vào các khu mộ đóng cửa chiều dài 171m rộng từ 2,5 đến 5,0m; trồng cây xanh cách ly mặt nước CXMN-1, CX-4, CX-6 diện tích 48.246,25 m²; xây dựng mạng lưới điện, mạng điện chiếu sáng, đèn cao áp, cột điện ly tâm, hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước được thi công đồng bộ tương ứng với các tuyến đường theo đúng quy hoạch chi tiết; xây dựng modul xử lý nước thải công suất 600 m³/ngày đêm trong khu đất hạ tầng kỹ thuật thuộc giai đoạn 1.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công xây dựng dự án: Bụi, khí thải từ phá dỡ, san lấp mặt bằng, thi công, vận chuyển vật liệu, chất thải; nước thải sinh hoạt của công nhân, nước thải xây dựng, nước mưa chảy tràn qua công trường thi công; thực vật từ quá trình phát quang mặt bằng, đất thải từ quá trình bóc tách lớp hữu cơ, chất thải rắn sinh hoạt của công nhân, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại, tiếng ồn, độ rung từ hoạt động thi công; bụi, khí thải, nước thải, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại, tiếng ồn, độ rung từ hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp thứ cấp tại phần Cụm công nghiệp hiện trạng.

2.2. Giai đoạn vận hành: Bụi và khí thải từ phương tiện giao thông của người dân, mùi từ hệ thống thu gom, xử lý nước thải; nước thải, chất thải rắn thông thường; chất thải nguy hại; tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của các Dự án đầu tư vào Cụm công nghiệp, từ sinh hoạt của cán bộ công nhân viên quản lý, vận hành hạ tầng Cụm công nghiệp.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải:

- Nước thải:

+ Giai đoạn xây dựng: Nước thải thi công xây dựng khoảng 1,0 m³/ngày, thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS, dầu mỡ khoáng; nước thải sinh hoạt của công nhân xây dựng khoảng 2,25 m³/ngày; nước thải phát sinh từ hoạt động của các doanh nghiệp thứ cấp tại phần Cụm công nghiệp hiện trạng: 117,21 m³/ngày đêm, thông số ô nhiễm đặc trưng: BOD₅, COD, TSS, Amoni, NO₃⁻, PO₄³⁻, dầu mỡ động thực vật, tổng Coliform.

+ Giai đoạn vận hành: Nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp phát sinh từ hoạt động của Cụm công nghiệp lưu lượng khoảng 706 m³/ngày đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng: COD, BOD₅, TSS, tổng N, tổng P, dầu mỡ khoáng, NH₄⁺, tổng Coliform.

- Bụi, khí thải:

+ Giai đoạn xây dựng: Bụi, khí thải từ quá trình san lấp mặt bằng, thi công xây dựng, vận chuyển nguyên liệu, chất thải; bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của các doanh nghiệp thứ cấp tại phần Cụm công nghiệp hiện trạng. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi lơ lửng, CO, SO₂, NO₂.

+ Giai đoạn vận hành: Bụi, khí thải của các phương tiện giao thông đi lại trong Cụm công nghiệp; Bụi và khí thải từ hoạt động sản xuất của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; mùi hôi từ hoạt động của trạm xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi lơ lửng, CO, SO₂, NO₂. 

3.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn sinh hoạt:

+ Giai đoạn thi công xây dựng phát sinh khoảng 15 kg/ngày; phát sinh từ hoạt động của các doanh nghiệp thứ cấp tại phần Cụm công nghiệp hiện trạng khoảng 2.114 kg/ngày.

+ Giai đoạn vận hành: Khoảng 12.326,4 kg/ngày, trong đó: Phát sinh từ khu điều hành dịch vụ của Cụm công nghiệp khoảng 6,4 kg/ngày; phát sinh từ hoạt động sản xuất của các cơ sở trong Cụm công nghiệp khoảng 12.320 kg/ngày.

- Chất thải rắn thông thường:

+ Giai đoạn thi công xây dựng: Phế thải phát sinh từ quá trình tạo mặt bằng thi công khoảng 2.000 kg, chất thải từ hoạt động phá dỡ công trình hiện có trên đất khoảng 100 kg, sinh khối thực vật thải khoảng 93.773,306 kg, khối lượng đất hữu cơ bóc tách bề mặt khoảng 41.176,04 m³, chất thải rắn xây dựng khoảng 2.333,432 tấn trong suốt thời gian thi công. Thành phần gồm: đất, đá, bê tông vỡ, gạch vỡ, gỗ, cỏ dại...; chất thải rắn sản xuất từ hoạt động của các doanh nghiệp thứ cấp tại phần Cụm công nghiệp hiện trạng khoảng 1.298,1 kg/ngày.

+ Giai đoạn vận hành: Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh khoảng 12.318,76 kg/ngày đêm, thành phần gồm: giấy loại, bìa carton, dây nhựa, sắt thép vụn, da vụn, vải vụn, xỉ than, sản phẩm lỗi hỏng...; bùn cặn từ hệ thống thoát nước mưa, nước thải khoảng 12 m³/năm.

- Chất thải nguy hại:

+ Giai đoạn xây dựng: Khoảng 340 kg trong suốt quá trình thi công, thành phần bao gồm các loại như: dầu thải, giẻ lau dính dầu, vỏ thùng đựng sơn, dầu, xỉ hàn, cặn sơn thải...; phát sinh từ hoạt động của các doanh nghiệp thứ cấp tại phần Cụm công nghiệp hiện trạng khoảng 4.719 kg/năm.

+ Giai đoạn vận hành: Chất thải nguy hại phát sinh từ các doanh nghiệp thứ cấp khoảng 1.807,8 kg/ngày đêm; chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động vận hành hạ tầng kỹ thuật: dầu thải khoảng 60 kg/năm, giẻ lau dính dầu khoảng 12 kg/năm, bao bì nhựa cứng khoảng 259,2 kg/năm, bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải khoảng 37.440 kg/năm (modul 1) và khoảng 87.360 kg/năm (modul 2).

3.3. Tiếng ồn, độ rung:

- Giai đoạn xây dựng: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của các máy xúc, máy ủi, máy cầu, xe tải nặng, máy khoan, máy ép cọc...và hoạt động của các phương tiện vận chuyển. 

- Giai đoạn vận hành: Nhiệt dư, tiếng ồn, độ rung phát sinh trong quá trình hoạt động của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoạt động trong Cụm công nghiệp, vận hành trạm xử lý nước thải.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.1.1. Đối với nước thải:

- Giai đoạn xây dựng:

+ Nước thải phát sinh từ hoạt động xây dựng được thu gom, xử lý bằng bể lắng, tái sử dụng cho hoạt động thi công xây dựng, không xả ra ngoài môi trường; nước thải sinh hoạt sử dụng nhà vệ sinh di động có bể chứa nước thải, định kỳ thuê đơn vị có đủ năng lực thu gom, xử lý theo quy định.

+ Nước thải phát sinh từ hoạt động của các doanh nghiệp thứ cấp tại phần Cụm công nghiệp hiện trạng được thu gom, đầu nối về trạm xử lý nước thải tập trung Cụm công nghiệp Minh Lãng (modul 1) công suất 300 m³/ngày đêm để xử lý, nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT Cột A, giá trị C, xả ra kênh 223 Bắc; đối với nước thải từ hoạt động của Công ty TNHH Creative Source Việt Nam được thu gom, xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải riêng, đạt quy chuẩn quy định, xả ra ngoài môi trường.

- Giai đoạn vận hành:

+ Hệ thống thoát nước mưa: Hệ thống thoát nước mưa được xây dựng dọc vỉa hè các tuyến đường giao thông trong Cụm công nghiệp, các rãnh xây kích thước B400, B600, B800 mm, các cống hộp bằng bê tông cốt thép, chảy qua các hố ga lắng lọc, thoát ra kênh 223 Bắc qua 10 cửa xả.

+ Hệ thống thoát nước thải: Nước thải từ các doanh nghiệp thứ cấp (trừ các đơn vị được miễn trừ đầu nối theo quy định) được xử lý sơ bộ đạt tiêu chuẩn đầu nối, thu gom bằng các đường ống HDPE, PVC, đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 900 m³/ngày đêm chia thành 2 modul (modul 1 công suất 300 m³/ngày đêm, modul 2 công suất 600 m³/ngày đêm), xử lý đạt quy chuẩn quy định, dẫn qua mương quan trắc nước thải tự động, liên tục, dẫn bằng đường ống HDPE D300 thoát ra kênh 223 Bắc thông qua 1 cửa xả tại vị trí: X(m) = 2265767.1508; Y(m) = 579886.3972 (hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3⁰).

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý nước thải: Gồm 02 modul

+ Modul số 1 (đã đầu tư xây dựng) công suất 300 m³/ngày đêm: Nước thải
→ Hố thu gom → Ngăn tiếp nhận → Ngăn phản ứng 1 → Ngăn phản ứng 2 →

Ngăn lắng 1 → Ngăn yếm khí → Ngăn hiếu khí 1 → Ngăn hiếu khí 2 → Ngăn lắng → Bể khử trùng → Mương quan trắc nước thải tự động → Nguồn tiếp nhận (Kênh 223 Bắc).

+ Modul số 2 (đầu tư mới) công suất 600 m³/ngày đêm: Nước thải → Bể gom → Bể tách dầu mỡ → Bể điều hòa → Bể điều chỉnh pH → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể Anoxic → Bể Aeroten → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Mương quan trắc nước thải tự động, liên tục (đã xây dựng) → Nguồn tiếp nhận (Kênh 223 Bắc).

- Nước thải của các dự án đầu tư thứ cấp trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp phải được xử lý sơ bộ đạt tiêu chuẩn đầu nối; cụ thể:

+ Đối với các dự án phát sinh nước thải sản xuất và nước thải sinh hoạt: Nước thải phải được xử lý sơ bộ đạt QCVN40:2011/BTNMT cột B.

+ Đối với các dự án chỉ phát sinh nước thải hoạt lưu lượng > 5m³/ngày đêm phải được xử lý sơ bộ đạt QCVN 14:2008/BTNMT cột B.

+ Đối với các dự án chỉ phát sinh nước thải sinh hoạt lưu lượng ≤ 5m³/ngày đêm phải được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn.

- Lắp đặt và vận hành hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

+ Tách riêng hệ thống thu gom, thoát nước mưa và hệ thống thu gom, xử lý, thoát nước thải.

+ Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải thi công xây dựng, nước thải vệ sinh phương tiện vận chuyển, thi công và nước thải khác trước khi thực hiện các hoạt động thi công xây dựng, bảo đảm toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng Dự án được thu gom, xử lý trước khi tái sử dụng cho thi công xây dựng.

+ Xây dựng, vận hành mạng lưới thu gom nước thải, bảo đảm toàn bộ nước thải phát sinh trong giai đoạn vận hành của Cụm công nghiệp được thu gom về 02 modul xử lý nước thải có tổng công suất 900 m³/ngày đêm để xử lý đạt QCVN 40:2025/BTNMT, cột A, bảng 2 - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp trước khi xả ra kênh 223 Bắc (trừ các trường hợp được miễn trừ đầu nối theo quy định). Không được phép xả nước thải ra môi trường trong trường

hợp xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải hoặc nước thải sau xử lý không đạt quy chuẩn quy định.

- + Thực hiện kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ, bảo đảm trạm xử lý nước thải luôn vận hành bình thường.

- + Bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

4.1.2. Đối với bụi, khí thải:

- Giai đoạn thi công xây dựng: Quây rào bằng tôn chắn xung quanh khu đất, phun nước làm ẩm khi đào đắp, san nền; phun nước trên tuyến đường giao thông nội bộ, che chắn bãi chứa vật liệu tạm tránh phát tán bụi; kiểm soát phương tiện vận chuyển, các xe vận chuyển được che chắn, không gây rơi vãi vật liệu, chất thải ra đường, được vệ sinh sau khi vận chuyển; vệ sinh tuyến đường gần khu vực thi công giảm thiểu phát sinh bụi. Đối với bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của các doanh nghiệp thứ cấp đang hoạt động tại Cụm công nghiệp hiện trạng, các doanh nghiệp tự chịu trách nhiệm xử lý đạt quy chuẩn quy định trước khi xả ra ngoài môi trường.

- Giai đoạn vận hành:

- + Đối với khí thải phát sinh từ quá trình sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp thứ cấp do chủ dự án thứ cấp chịu trách nhiệm thu gom, xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật hiện hành trước khi xả ra ngoài môi trường.

- + Đầu tư hệ thống thu gom nước thải kín giảm thiểu mùi phát tán ra môi trường, thường xuyên kiểm tra và bảo trì hệ thống phân phối khí và sục khí ở các bể xử lý nước thải; nạo vét, hút bùn định kỳ.

- + Trồng cây xanh trong khu vực dự án bảo đảm tỷ lệ theo quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- + Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh trong các giai đoạn của Dự án; thực hiện và giám sát các nhà thầu thi công trong việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh bởi Dự án trong giai đoạn thi công xây dựng; bảo đảm môi trường không khí xung quanh trong các giai đoạn của Dự án luôn nằm trong giới hạn cho phép theo quy định tại QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

- + Trồng cây xanh trong khuôn viên Dự án bảo đảm tỷ lệ cây xanh tối thiểu đạt quy định của QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng. 

+ Trồng dải cây xanh cách ly quanh khu vực trạm xử lý nước thải, bảo đảm khoảng cách tối thiểu với các công trình xung quanh theo quy định.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

- Giai đoạn xây dựng:

+ Đối với chất thải rắn xây dựng như: Cát, đá, bê tông thừa được sử dụng để san lấp mặt bằng, vỏ bao xi măng, bao bì giấy, sắt thép vụn được thu gom, bán tái chế; chất hữu cơ bóc tách bề mặt được tái sử dụng vào mục đích trồng cây xanh của dự án; chất thải rắn sinh hoạt của công nhân xây dựng được thu gom, lưu chứa trong các thùng đựng rác, hợp đồng với tổ vệ sinh môi trường của địa phương thu gom xử lý theo quy định; chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động của các doanh nghiệp thứ cấp tại phần Cụm công nghiệp hiện trạng được các doanh nghiệp tự thu gom, thuê đơn vị có chức năng xử lý theo quy định; bùn thải phát sinh từ hệ thống thu gom, thoát nước, xử lý nước thải chủ đầu tư hạ tầng Cụm công nghiệp thuê đơn vị có chức năng xử lý.

- Giai đoạn vận hành:

+ Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp của mỗi dự án thứ cấp trong Cụm công nghiệp sẽ do chủ đầu tư thứ cấp chịu trách nhiệm tự phân loại, lưu giữ, hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý đảm bảo đạt các quy định hiện hành.

+ Đối với chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ khu nhà điều hành dịch vụ của Cụm công nghiệp, chủ dự án có trách nhiệm thu gom, phân loại, hợp đồng với tổ vệ sinh môi trường của địa phương vận chuyển, xử lý; bùn thải được lưu giữ trong khu lưu giữ chất thải rắn thông thường diện tích 5,6 m², hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

+ Bảo đảm toàn bộ chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ các hoạt động của Dự án đều được thu gom, phân định, phân loại tại nguồn, lưu giữ, vận chuyển, xử lý đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

+ Tổ chức thu gom, vận chuyển, đổ thải phế thải, chất thải rắn xây dựng phát sinh từ hoạt động của Dự án vào đúng các vị trí được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận, bảo đảm các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại: 

- Chất thải nguy hại phát sinh từ giai đoạn xây dựng, từ các doanh nghiệp thứ cấp hoạt động tại Cụm công nghiệp hiện trạng được thu gom, lưu giữ, xử lý theo quy định tại các Thông tư: Số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Giai đoạn vận hành: Đối với chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động vận hành trạm xử lý nước thải tập trung (dầu thải, bao bì chứa hóa chất, bùn thải từ trạm xử lý nước thải): Chủ dự án bố trí khu lưu giữ chất thải nguy hại có diện tích 5,6 m² tại khu đất hạ tầng kỹ thuật; sử dụng các bao bì, thùng chứa có nắp đậy để lưu chứa, ký hợp đồng với đơn vị có đủ năng lực vận chuyển, xử lý theo quy định tại các Thông tư: Số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thiết kế đúng quy cách khu lưu giữ chất thải nguy hại và bảo đảm toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án luôn được thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:

- Giai đoạn xây dựng: Sử dụng máy móc, thiết bị thi công đạt tiêu chuẩn bảo đảm mức ồn nằm trong giới hạn cho phép, thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng nhằm bảo đảm an toàn trong quá trình thi công; hạn chế thi công đồng thời các máy móc, thiết bị phát sinh tiếng ồn, độ rung; xây dựng kế hoạch thi công hợp lý, tránh thi công vào giờ cao điểm; các doanh nghiệp thứ cấp đang hoạt động tại Cụm công nghiệp hiện trạng bố trí, lắp đặt các thiết bị chống ồn, chống rung, bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị theo quy định.

- Giai đoạn vận hành: Lắp đặt thiết bị chống ồn, rung, kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ đối với máy móc của Trạm xử lý nước thải tập trung; trồng cây xanh xung quanh Trạm xử lý tập trung và các vị trí theo quy hoạch.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn hiện hành khác có liên quan, bảo đảm các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án.

4.4. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải tập trung:

- Trường hợp Trạm xử lý nước thải tập trung bị sự cố hoặc nước thải xử lý vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường, nước thải được dẫn về lưu chứa tại hồ sự cố (dung tích 1.000 m³). Sau khi khắc phục xong sự cố của Trạm xử lý nước thải tập

trung, nước thải tại hồ sự cố được bơm về bể gom nước thải của Trạm xử lý nước thải tập trung để xử lý lại.

- Thường xuyên giám sát chất lượng nước thải đầu vào của Trạm xử lý nước thải tập trung, bảo đảm tiêu chuẩn nước thải đầu vào nhằm bảo đảm hiệu suất xử lý của hệ thống.

- Lắp đặt hệ thống quan trắc nước tự động, liên tục để giám sát nước thải sau xử lý; bố trí cán bộ phụ trách về môi trường được đào tạo, chuyên giao kỹ thuật vận hành Trạm xử lý nước thải tập trung, ứng phó sự cố.

- Định kỳ tiến hành duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc của Trạm xử lý nước thải tập trung.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát, nạo vét hệ thống thu gom nước thải, thoát nước thải sau xử lý để phòng ngừa tình trạng tắc nghẽn hệ thống.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư:

5.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Giám sát môi trường không khí xung quanh:

- + Thông số giám sát: Tổng bụi lơ lửng, CO, SO₂, NO₂, tiếng ồn, độ rung.

- + Vị trí quan trắc (02 điểm): tại điểm đầu và điểm cuối hướng gió.

- + Tần suất giám sát: 6 tháng/lần.

- + Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT; QCVN 26:2025/BTNMT; QCVN 27:2025/BTNMT.

- Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại về tổng lượng, quá trình thu gom, lưu giữ, vận chuyển xử lý; định kỳ chuyển giao chất thải cho đơn vị có đủ năng lực thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định tại các Nghị định: Số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ; các Thông tư: Số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

5.2. Giai đoạn vận hành:

- Giám sát nước thải:

- + Giám sát nước thải tự động, liên tục các thông số quan trắc: Lưu lượng nước thải đầu vào, lưu lượng nước thải đầu ra, nhiệt độ, pH, TSS, COD, Amoni.

- + Giám sát nước thải định kỳ:

- Vị trí giám sát: 03 điểm (01 điểm nước thải trước hệ thống xử lý lấy tại hồ thu gom của Modul số 1; 01 điểm nước thải trước hệ thống xử lý lấy tại bể gom của Modul số 2; 01 điểm tại điểm xả nước thải trước khi xả ra nguồn tiếp nhận).

- Các thông số quan trắc: Theo quy định tại QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A, bảng 2.

- Tần suất quan trắc: Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A, bảng 2.

- Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại về tổng lượng, quá trình thu gom, lưu giữ, vận chuyển xử lý; định kỳ chuyển giao chất thải cho đơn vị có đủ năng lực thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định tại các Nghị định: Số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ; các Thông tư: Số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường sau:

- Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật hiện hành và chỉ được phép triển khai thực hiện Dự án sau khi hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, giao đất, thuê đất theo quy định; chủ động, tích cực phối hợp với chính quyền địa phương triển khai thực hiện các giải pháp phục hồi sinh kế, hỗ trợ, ổn định cuộc sống lâu dài cho các hộ dân chịu tác động tiêu cực bởi Dự án và giải phóng mặt bằng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật hiện hành. Xây dựng phương án sử dụng tầng đất mặt của đất được chuyển đổi từ đất chuyên trồng lúa nước trong quá trình chuyển mục đích sử dụng đất và tổ chức thực hiện theo quy định tại Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa; bảo đảm phù hợp với các nội dung, yêu cầu bảo vệ môi trường được nêu tại Quyết định này.

- Tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án.

- Thực hiện trách nhiệm của Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp theo quy định tại khoản 3 Điều 52 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Yêu cầu các dự án đầu tư thứ cấp vào Cụm công nghiệp phải thực hiện thủ tục môi trường theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; ban hành quy chế về bảo vệ môi trường của Cụm công nghiệp theo quy định.

- Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan. 

- Thực hiện các biện pháp tổ chức thi công và các giải pháp kỹ thuật phù hợp để giảm thiểu bụi, khí thải và tiếng ồn, độ rung; bảo đảm chất lượng nước mưa chảy tràn; chống ngập úng và sạt lở trong quá trình thi công và vận hành Dự án.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật và quản lý phù hợp để bảo đảm việc tập kết vật liệu xây dựng, đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường.

- Thực hiện đúng các quy định của nhà nước; phối hợp với các cơ quan chức năng xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phát sinh do các hoạt động của Dự án gây ra.

- Tuân thủ các quy định hiện hành về đất đai, xây dựng, kinh doanh bất động sản; thủy lợi; xả nước thải vào nguồn nước, tài nguyên nước, các quy định về phòng cháy chữa cháy, ứng cứu sự cố, an toàn lao động, phòng chống dịch bệnh và các quy định của pháp luật khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro cho môi trường.

- Chịu trách nhiệm giám sát các hoạt động xây dựng và vận hành các hạng mục công trình của Dự án bảo đảm tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Chỉ được đưa Dự án vào vận hành sau khi hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường và được cấp giấy phép môi trường theo quy định; lập phương án và thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án theo quy định.

- Chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai toàn bộ Dự án. Chịu trách nhiệm và cam kết bồi thường, khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố, rủi ro do quá trình thực hiện Dự án gây ra.

- Bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường.

- Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không bảo đảm công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật.

- Bảo đảm tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường vào dự án đầu tư xây dựng./. 